

Biểu số:
4102.N/TDĐT-TCTDĐT
Ban hành kèm theo Thông
tư số 17/2021/TT-BVHTTĐ
ngày 28 tháng 12 năm 2021

**TỶ LỆ GIA ĐÌNH THỂ
THAO**

Năm ...

Đơn vị báo cáo:
Tổng cục Thể dục thể thao

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ Kế hoạch, Tài chính

Ngày nhận báo cáo: 28/2
năm sau

	Mã số	Số gia đình thể thao <i>(Người)</i>	Tỷ lệ gia đình thể thao <i>(%)</i>
A	B	1	2
Tổng số	01		
Chia theo tỉnh, thành phố <i>(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)</i>			
An Giang	02		
...	...		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH CÁCH GHI BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ
(Kèm theo Thông tư số: 17/2021/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số 4102.N/TDTT-TCTDTT: Tỷ lệ gia đình thể thao

1. Khái niệm, phương pháp tính

Gia đình thể thao là hộ gia đình có tổng số thành viên tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên chiếm từ 50% trở lên tổng số thành viên trong gia đình.

Công thức tính: Số gia đình thể thao được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) của tổng số gia đình thể thao so với tổng số hộ gia đình trên địa bàn.

$$\text{Tỷ lệ gia đình thể thao (\%)} = \frac{\text{Tổng số gia đình thể thao trong năm}}{\text{Tổng số hộ gia đình}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

a) Phạm vi thu thập số liệu: Thống kê tỷ lệ gia đình thể thao trong năm báo cáo.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu tính từ 01/01 đến 31/12 của năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu:

- Các cột:

Cột A: Chỉ tiêu;

Cột B: Mã số;

Cột 1: Ghi số gia đình thể thao;

Cột 2: Ghi tỷ lệ gia đình thể thao.

- Các dòng:

Dòng 1: Tổng số;

Từ dòng 3 trở đi: Ghi theo tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

3. Nguồn số liệu: Chế độ báo cáo thống kê ngành văn hóa, thể thao, du lịch.